

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm 1992. Thường trú: Thôn P, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: khu phố T, đường C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Đức C, sinh năm 1987. Thường trú: Thôn P, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 09 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:

Bà Đào Thị L và ông Đặng Đức C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M,

huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/7/2014 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23. Sau khi kết hôn hai vợ chồng vào tỉnh Bình Dương làm việc và sinh sống. Thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, chồng không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên có hành vi xúc phạm, đánh đập vợ. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà L đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Hiện nay, hai vợ chồng đã sống ly thân. Bà L và cháu Đặng Tiến M đang thuê trọ và sinh sống tại địa chỉ: khu phố T, đường C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Còn ông C và cháu Đặng Đức H đang sinh sống tại địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nay, bà L không còn tình cảm gì đối với ông C, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà L đang làm công nhân ép nhiệt tại Công ty TNHH may mặc L tọa lạc tại Khu công nghiệp Đ, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000/tháng. Ông C làm công nhân của Công ty TNHH ác quy GS tọa lạc tại khu công nghiệp Vsip, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 11.000.000/tháng. Quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Đặng Đức H, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 12/01/2017. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Đức C.

2. Về con chung: Bà Đào Thị L yêu cầu được nuôi con chung cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 12/01/2017, không yêu cầu ông Đặng Đức C phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đặng Đức C được nuôi con chung cháu Đặng Đức H, sinh ngày 16/10/2014, bà Đào Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Đặng Đức C nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Thị L và ông Đặng Đức C là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đào Thị L khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Đặng Đức C hiện nay đang sinh sống và đăng ký tạm trú tại khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Bị đơn ông Đặng Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Đức C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Đào Thị L với bị đơn ông Đặng Đức C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 10/7/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà L trong thời gian chung sống giữa bà L và ông C thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông C không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên có hành vi xúc phạm, đánh đập bà L. Bà L đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay, bà L không còn tình cảm gì đối với ông C, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn ông Đặng Đức C tham gia tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông C vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng M của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông C là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà L yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà L và ông C có 02 con chung là cháu Đặng Đức H, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 12/01/2017. Bà Đào Thị L yêu cầu được nuôi con chung cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 12/01/2017, không yêu cầu ông Đặng Đức C phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đặng Đức C được nuôi con chung cháu Đặng Đức H, sinh ngày 16/10/2014, bà Đào Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu M đang sống chung với bà L, bà L có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình thường; cháu H đang sống chung với ông C và có nguyện vọng sống chung với ông C. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho

bà L và cháu H cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với ông Đặng Đức C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị L được ly hôn với ông Đặng Đức C (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 10/7/2014).

- Về con chung: Giao con chung cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 12/01/2017 cho bà Đào Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đặng Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung cháu Đặng Đức H, sinh ngày 16/10/2014 cho ông Đặng Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Đào Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đào Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000649 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên